

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 7 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm.
2. Bà Bùi Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn D trình bày:

Ông và bà Lê Thị L tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau, hai bên không có tổ chức cưới hỏi chung sống cùng nhau từ năm 1996. Sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Văn Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa).

Quá trình chung sống, vợ chồng cũng bình thường, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2014 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống sau đó bà L dọn đi nơi khác sinh sống, nhiều lần ông có đi tìm và đón bà L về chung sống nhưng sau đó bà L lại bỏ đi tiếp, không quan tâm hỏi han gì đến gia đình và các con. Từ đó cho đến nay bà L và ông không còn sống chung với nhau. bà L cũng không về nhà thăm gặp các con. Do thời gian không sống chung cùng nhau kéo dài, nay ông không còn tình cảm với bà L nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông và bà L có 03 con chung là Lê Tấn N, sinh năm 1995; Lê Thị Hồng T, sinh năm 1997; Lê Thị N, sinh ngày 09/01/2013. Khi ly hôn, ông trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị N, không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con. Vì từ khi ông và bà L không còn sống chung đến nay thì các con đều do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông đi làm nghề xây dựng cho tư nhân thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi con.

Đối với các cháu Lê Tấn N, Lê Thị Hồng T đã trưởng thành tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Lê Thị L: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Lê Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn bà Lê Thị L. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bị đơn ở phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa) theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Ngày 19/6/2025, nguyên đơn ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà L nhưng bà L vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: Ông D và bà L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Văn Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 26/6/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông D trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng cũng bình thường, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2014 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống sau đó bà L dọn đi nơi khác sinh sống, không quan tâm hỏi han gì đến gia đình và các con. Từ đó cho đến nay bà L và ông D không còn sống chung với nhau. Tại biên bản xác minh, Trưởng khu phố 5, phường V xác nhận ông D và bà L không còn sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay, bà L đi nơi khác sinh sống, điều đó thể hiện việc mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà L là có thật. Đối với bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bà L không đến Tòa án để làm việc, có thái độ bỏ mặc không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi con của ông D, thấy rằng: Từ khi ông và bà L không còn sống chung thì cháu Lê Thị N do ông D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu N có nguyện vọng sống với ba. Ông D làm nghề xây dựng cho tư nhân thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu N cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp.

Đối với các cháu Lê Tấn N, Lê Thị Hồng T đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông D không yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn D.

1. Về hôn nhân: Ông Lê Văn D được ly hôn với bà Lê Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị N, sinh ngày 09/01/2013 cho ông Lê Văn D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà Lê Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con do ông D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Ông Lê Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005066 ngày 14/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa). ông D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 -Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 5, THADS tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số 92 ngày 26/06/2003);
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Diệu